File đính kèm

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 6.1	a) Trước và khi thi công phải kiểm tra đảm bảo các điều kiện an toàn cho tất cả các hoạt động tại Công trường. * Chủ đầu tư duyệt phương án an toàn, bảo hộ lao động. * Kiểm tra đủ điều kiện trước khi thi công. * Trong khi thi công: - Nhà thầu và các nhà thầu phụ: + Phải tăng cường nhân sự giám sát an toàn, đảm bảo có nhân sự giám sát liên tục tại khu vực có nguy cơ dễ phát cháy và phải có tổ PCCC chuyên trách tại chỗ. + Quán triệt, cảnh báo, kiểm tra công tác an toàn và các biện pháp an toàn cụ thể cho cán bộ, công nhân hàng ca trước và trong quá trình làm việc; nghiêm cấm sử dụng cán bộ, công nhân chưa được huấn luyện về công tác an toàn; đưa ra khỏi công trường ngay các công nhân, cán bộ để xẩy ra hiện tường mất an toàn, kể cả chưa gây ra sự cố hay thiệt hại, trong quá trình thực hiện dự án. + Nhà thầu chính có trách nhiệm kiểm tra công tác quản lý an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong thi công xây dựng công trình đối với các phần việc do nhà thầu phụ thực hiện; Nhà thầu phụ có trách nhiệm thực hiện các quy định an toàn, lao động, phòng chống cháy nổ đối với phần việc do mình thực hiện.
E-ĐKC 8.2 b	- Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng - Nhà thầu phải thực hiện theo đúng các cam kết trong phụ lục 1 hợp đồng, trong E- HSDT và tuân thủ các yêu cầu trong E-HSMT.
E-ĐKC 33.1	- Nhà thầu phải đảm bảo đủ trang thiết bị và nhân lực để cập nhật vào nhật ký thi công điện tử (NKTCĐT), biên bản nghiệm thu điện tử (BBNTĐT) trên phần mềm IMIS trong giai đoạn triển khai thi công xây dựng công trình

	và áp dụng chữ ký số theo đúng quy định hướng dẫn của Bên A. - Nhà thầu phải trang bị thiết bị công nghệ thông tin để kết nối với hệ thống quản lý của chủ đầu tư phục vụ phê duyệt tài liệu kỹ thuật của gói thầu/dự án.
E-ĐKC 42.1	Tạm ứng: 20% giá hợp đồng. Giá trị tạm ứng hợp đồng sẽ được thanh toán trong vòng 14 ngày sau khi ký hợp đồng, khi Bên A nhận được các chứng từ sau: - Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B; - Biên bản bàn giao mặt bằng thi công (bàn giao toàn bộ hoặc bàn giao từng phần). - Bảo lãnh tiền tạm ứng của Ngân hàng với số tiền và loại tiền tương đương theo Mẫu số 16 đã nêu trong E-HSMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi bên giao thầu đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm dần tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa các bên. Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. Tich thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tich thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

	- Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo mẫu số 15 đã nêu trong E-HSMT. Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán nhưng phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết.
E-ĐKC 44.1	Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu như sau: - Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản. - Thời hạn thanh toán: 14 ngày *(trừ trường hợp có yêu cầu/ yếu tố khác của nhà tài trợ)* kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo yêu cầu. Phương thức thanh toán: *(Lựa chọn 1 trong 2 phương thức khi hoàn thiện ký kết hợp đồng)* i. Thanh toán theo giai đoạn: ✓ Thanh toán giai đoạn: Bên A sẽ thanh toán giai đoạn cho bên B theo tỷ lệ phần trăm giá trị hợp đồng (hoặc 80% giá trị phần khối lượng đã thi công) theo điểm dừng kỹ thuật được 2 bên thống nhất và được nghiệm thu, với điều kiện bên B phải cung cấp đầy đủ các chứng từ theo quy định. ✓ Sau khi nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng, bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán theo quy định và nộp bảo lãnh bảo hành, bên A thanh toán cho bên B đến 95% tổng giá trị khối lượng hoàn thành (hoặc giá trị quyết toán của hợp đồng). ✓ 5% giá trị còn lại sẽ được thanh toán cho bên B sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn của cấp có thẩm quyền. ii. Không thanh toán theo giai đoạn: - Sau khi nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng, bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán theo quy định *(như mục "Thanh toán theo giai đoạn")* và nộp bảo lãnh bảo hành, bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 95% tổng giá trị khối lượng hoàn thành (hoặc giá trị quyết toán của hợp đồng) 5% giá trị còn lại sẽ được thanh toán cho bên B sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn của cấp có thẩm

	quyền.
E-ĐKC 46.2	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng. Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: Nhà thầu bị phạt theo mức phạt là: - Đối với Nhà thầu: nếu chậm tiến độ 7 ngày thì phạt 0,5 % giá hợp đồng cho 7 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm -Mức khấu trừ cho giá trị phần công việc hoặc giá trị phần hợp đồng chậm thực hiện do lỗi chủ quan của nhà thầu trả điện muộn so với lịch cắt điện đã được duyệt như sau: +Mức khấu trừ/ 1 lần = 10% x giá trị công việc thực hiện theo lần/ số lần đăng ký cắt điện đã được duyệt. - Trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Nhà thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư và bị phạt 10% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Đồng thời việc

	khắc phục phần việc vi phạm chất lượng của Nhà thầu dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành so với tiến độ qui định thì Nhà thầu phải chịu thêm mức phạt chậm về tiến độ như qui định tại các mục nêu trên; + Yêu cầu khác *(nếu có)* * Mức khấu trừ tối đa: 12% giá hợp đồng bị vi phạm. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu.
E-ĐKC 52	Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát, Tư vấn thiết kế, Nhà thầu và các đơn vị khác theo quy định ký xác nhận.